

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2022

Học viện Nông nghiệp Việt Nam - mã trường HVN (tên trước đây là trường Đại học Nông nghiệp I) là trường đại học công lập trọng điểm quốc gia, đa ngành, đóng tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Học viện tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2022 (khoa 67) với **5.830** chỉ tiêu (Phụ lục 1) bao gồm 25 nhóm ngành đào tạo. Học viện xét tuyển theo 03 phương thức: (i) Xét tuyển thẳng; (ii) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông (THPT); (iii) Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ NGÀNH XÉT TUYỂN

1. Đối tượng xét tuyển là những người tốt nghiệp THPT.

2. Nhóm ngành/ngành xét tuyển

Học viện xét tuyển theo 25 nhóm ngành bao gồm 47 ngành với 76 chuyên ngành đào tạo (Phụ lục 1). Học viện còn xét tuyển các chương trình đào tạo bằng kép (cấp 2 bằng đại học chính quy) với nhiều ưu đãi cho sinh viên.

II. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. PHƯƠNG THỨC 1: Xét tuyển thẳng

Tiêu chí xét tuyển thẳng áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chí xét tuyển thẳng áp dụng theo Đề án của Học viện đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 và các năm trước, đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

(1) Tham gia đội tuyển quốc gia dự thi quốc tế gồm Olympic, khoa học và kỹ thuật; thí sinh đạt giải từ khuyến khích trở lên trong các kỳ thi học sinh giỏi, các môn thi khoa học và kỹ thuật cấp quốc gia; đạt giải nhất, nhì, ba và khuyến khích trong các môn thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố;

(2) Học lực đạt loại khá ít nhất 1 năm tại các trường THPT và có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm hoặc điểm thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 điểm hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố được tuyển thẳng vào:

a) Chương trình quốc tế (Đào tạo bằng Tiếng Anh) các ngành: Công nghệ sinh học, Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài chính, Quản trị



kinh doanh (và được bố trí học cùng sinh viên năm thứ 2 của chương trình đào tạo).

b) Chương trình Anh quốc: Do Đại học GLASGOW CALEDONIAN UNIVERSITY (GCU) cấp bằng Cử nhân ngành Tài chính, Đầu tư, Bảo hiểm.

c) Chương trình New Zealand: Do Đại học MASSEY UNIVERSITY cấp bằng Cử nhân ngành Kinh tế - Tài chính.

(3) Học lực đạt loại khá ít nhất 1 năm tại các trường THPT và có điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trình độ IELTS 4.0 điểm, TOEFL iBT 30 điểm, TOEFL ITP 450 điểm, A2 Key (KET) Cambridge English hoặc có một trong các chứng chỉ tin học quốc tế: IC3, ICDL, MOS.

(4) Học lực đạt loại giỏi từ 1 học kỳ và từ 3 học kỳ khá trở lên trong chương trình học THPT.

(5) Người nước ngoài/Người Việt Nam tốt nghiệp THPT ở nước ngoài có chứng nhận văn bằng của cơ quan có thẩm quyền được xét tuyển thẳng.

2. PHƯƠNG THỨC 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập tại các trường THPT, trường chuyên, năng khiếu (Xét học bạ)

a) Điều kiện xét tuyển:

Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 11 (đối với đợt xét tuyển 1) hoặc lớp 12 (đối với các đợt xét tuyển sau) theo thang điểm 10 của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển, cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 20,0 điểm trở lên.

b) Cách tính điểm xét tuyển:

* Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = ĐTB_{cn} môn 1 + ĐTB_{cn} môn 2 + ĐTB_{cn} môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có).

* Điểm ưu tiên:

- Điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng là 1,0 điểm và giữa các khu vực kế tiếp là 0,25 điểm.

c) Nguyên tắc xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo nhóm ngành với tối đa 02 nguyện vọng (NV) tương ứng 2 nhóm ngành đào tạo và được xét tuyển theo thứ tự ưu tiên. Thí sinh trúng tuyển NV1 sẽ không được xét tuyển NV2. Thí sinh không trúng tuyển vào NV2 đã đăng ký thì tiếp tục được xét tuyển vào các nhóm ngành khác khi còn chỉ tiêu. Thí sinh có thể được xem xét chuyển ngành/chuyên ngành trong thời gian học tập theo quy định.

Thí sinh trúng tuyển có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển theo mức từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu hoặc chỉ tiêu còn lại của từng nhóm ngành của phương thức này. Đối với các thí sinh có điểm bằng nhau xét tuyển ở

cuối danh sách thì xét theo thứ tự ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là không điểm.

Thí sinh đã trúng tuyển vào nhóm ngành sẽ quyết định lựa chọn ngành hoặc chương trình đào tạo như sau:

(1) Chọn một trong các chương trình: a) **Chương trình quốc tế** (đào tạo bằng Tiếng Anh) các ngành Công nghệ sinh học, Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài chính, Quản trị kinh doanh; b) **Chương trình Anh Quốc** (ngành Tài chính, Đầu tư, Bảo hiểm); c) **Chương trình New Zealand** (ngành Kinh tế tài chính) ngay khi đăng ký xét tuyển theo Phương thức 1 (tuyển thẳng) hoặc sau khi xác nhận nhập học/nhập học theo Phương thức 2 (xét học bạ) hoặc Phương thức 3 (xét điểm thi tốt nghiệp THPT);

(2) Chọn ngành đào tạo trong nhóm ngành trúng tuyển theo nhu cầu, sở thích khi làm thủ tục xác nhận nhập học/nhập học;

(3) Chọn chuyên ngành đào tạo trong ngành đã nhập học sẽ được thực hiện trong học kỳ thứ 2 của khóa học theo quy định của Học viện;

(4) Chọn chương trình bằng kép để được cấp 2 bằng đại học khi tốt nghiệp sẽ được thực hiện trong học kỳ thứ 2 của khóa học theo thông báo của Học viện;

(5) Chọn theo học các chương trình đào tạo tích hợp của các tập đoàn, doanh nghiệp.

3. PHƯƠNG THỨC 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (theo quy định, lịch trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án của Học viện)

a) *Điều kiện xét tuyển:* Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 theo tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định. Mức chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là không điểm. Học viện sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

b) *Cách tính điểm xét tuyển:*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn 1 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có).

Học viện Nông nghiệp Việt Nam công nhận và sử dụng kết quả miễn bài thi môn ngoại ngữ tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển đại học chính quy năm 2022.

* **Điểm ưu tiên**

Điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng là 1,0 điểm và giữa các khu vực kế tiếp là 0,25 điểm.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng của khối ngành Sư phạm được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT đối với tất cả các phương thức xét tuyển.

III. THỜI GIAN VÀ HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Thời gian xét tuyển

1.1 Phương thức 1 (Tuyển thẳng)

a) Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2021 trở về trước

- Học viện nhận hồ sơ xét tuyển từ 08/02/2022;
- Thí sinh trúng tuyển thẳng sẽ được nhập học ngay khi đủ điều kiện và được xếp lớp học theo 2 học kỳ chính và 01 học kỳ hè trong năm 2022.

b) Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022

- Thời gian xét tuyển được thực hiện theo lịch trình của phương thức 2, 3.

1.2 Phương thức 2 (Xét học bạ)

TT	Thời gian	Đợt 1	Đợt 2
1	Nhận hồ sơ xét tuyển	01/03 - 29/04/2022	05/05 - 15/06/2022
2	Thông báo kết quả xét tuyển	04/05/2022	20/06/2022
3	Thí sinh trúng tuyển xác nhận NH	07-10/05/2022	23-26/06/2022

Học viện sẽ công bố thời gian xác nhận nhập học / nhập học đối với thí sinh đạt tiêu chí trúng tuyển trong Giấy báo trúng tuyển và nhập học, đồng thời đăng tải thông tin trên website: www.vnua.edu.vn và <https://tuyensinh.vnua.edu.vn>.

1.3 Thời gian xét tuyển theo Phương thức 3 (Xét điểm thi tốt nghiệp THPT)

Theo quy định, lịch trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2. Hồ sơ xét tuyển

Thí sinh viết vào Phiếu đăng ký xét tuyển hoặc đăng ký xét tuyển trực tuyến theo mẫu của Học viện. Học viện sẽ kiểm tra và đối chiếu thông tin trên Phiếu với hồ sơ gốc của thí sinh sau khi thí sinh làm thủ tục nhập học.

* Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 1 (Tuyển thẳng) và Phương thức 2 (Xét học bạ): PHIẾU 1-1 (Đợt 1), PHIẾU 1-2 (Đợt 2).

* Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 3 (Xét điểm thi tốt nghiệp THPT): Đăng ký xét tuyển theo Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng tại trường THPT.

3. Cách thức nộp hồ sơ

Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo 1 trong 3 cách sau:

- + Trực tuyến tại website: <https://vnua.edu.vn/dkxt>

+ Trực tiếp tại Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Phòng 121, tầng 1, Nhà Hành chính);

+ Chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, TT. Trâu Quỳ, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội.

IV. THÔNG TIN VỀ LỆ PHÍ, HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

1. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/nguyên vọng

2. Học phí năm 2021-2022 đối với sinh viên chính quy.

STT	Nhóm ngành	Mức học phí hiện tại (triệu đồng/năm)
1	Nhóm ngành nông, lâm, thủy sản (Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nông nghiệp, Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Kinh tế nông nghiệp, ...)	11,6
2	Nhóm ngành KHXH và quản lý (Kinh tế, Quản lý đất đai, Kế toán, QTKD, Xã hội học, Ngôn ngữ Anh, ...)	13,45
3	Kỹ thuật và Công nghệ (CNSH, CNTT, Cơ điện, Môi trường...)	16,0
4	Công nghệ thực phẩm	16,7
5	Thú y	19,8

Ghi chú: Học phí các năm tới sẽ theo lộ trình và quy định của Nhà nước.

3. Thông tin học bổng

Học viện có nhiều học bổng du học, học tập, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp ở trong nước và nước ngoài với tổng giá trị quy đổi gần 30 tỷ đồng, cụ thể như sau:

+ 20 suất học bổng “**Tài năng**” dành cho thí sinh có điểm xét tuyển hoặc thành tích học tập cao nhất (miễn 100% học phí trong thời gian học tập 4 - 5 năm);

+ Hàng trăm suất học bổng “**Khởi nghiệp**”, học bổng “**Chào tân sinh viên**”, học bổng “**Thắp sáng ước mơ**”, học bổng tài trợ từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức.

+ Ưu tiên xét cấp học bổng “**Sinh viên toàn cầu**” cho các thí sinh xuất sắc, có thành tích trong hoạt động xã hội, có năng lực tiếng Anh tham gia trao đổi, giao lưu văn hóa, thực tập sinh quốc tế tại Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đan Mạch, Hà Lan, Na Uy...

+ Hàng nghìn suất học bổng khuyến khích học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để được tư vấn đầy đủ về thông tin tuyển sinh năm 2022, xin liên hệ với số điện thoại: **024.6261.7578/ 024.6261.7520** hoặc **0961.926.639/0961.926.939**

Địa chỉ liên hệ: Học viện Nông nghiệp Việt Nam; TT. Trâu Quỳ, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội

Website: www.vnua.edu.vn; <http://tuyensinh.vnua.edu.vn>

Facebook: www.facebook.com/hocviennongnghiep

Nơi nhận:

- Thí sinh (website);
- Bộ NN&PTNT, Bộ GD&ĐT (đề bc);
- HĐHV, BGĐ (đề b/c)
- Các ĐV (đề p/h)
- Lưu: VPHV, QLĐT, LTS(10).



KẾ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

**Phụ lục 1: Danh mục nhóm ngành, ngành, chuyên ngành, tổ hợp xét tuyển
và chỉ tiêu tuyển sinh đại học năm 2022**

*(Kèm theo Thông báo số: 179/TB-HVN ngày 28/01/2022
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2022)*

Mã nhóm - Tên nhóm ngành	Tên ngành	Tên chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
HVN01 – Sư phạm công nghệ	Sư phạm Công nghệ	- Sư phạm Công nghệ	A00, A01, B00, D01	20
HVN02 – Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	- Bảo vệ thực vật	A00, B00, B08, D01	150
	Khoa học cây trồng	- Khoa học cây trồng - Khoa học cây trồng (Chương trình tiên tiến – Đào tạo bằng Tiếng Anh) - Chọn giống cây trồng - Khoa học cây dược liệu		
	Nông nghiệp	- Nông học - Khuyến nông		
HVN03 – Chăn nuôi thú y	Chăn nuôi	- Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn chăn nuôi - Khoa học vật nuôi	A00, A01, B00, D01	240
	Chăn nuôi thú y	- Chăn nuôi thú y		
HVN04 – Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A00, A01, C01, D01	235
	Kỹ thuật điện	- Hệ thống điện - Điện công nghiệp		
	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
HVN05 – Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ kỹ thuật ô tô	- Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00, A01, C01, D01	280
	Kỹ thuật cơ khí	- Cơ khí nông nghiệp - Cơ khí thực phẩm - Cơ khí chế tạo máy		
HVN06 – Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	- Sản xuất và quản lý sản xuất rau hoa quả trong nhà có mái che - Thiết kế và tạo dựng cảnh quan - Marketing và thương mại - Nông nghiệp đô thị	A00,A09, B00,C20	40
HVN07 – Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh dược	- Công nghệ sinh dược	A00, B00, B08, D01	235
	Công nghệ sinh học	- Công nghệ sinh học - Công nghệ sinh học (Chương trình chất lượng cao - Đào tạo bằng Tiếng Anh) - Công nghệ sinh học nấm ăn và nấm dược liệu		
HVN08 – Công nghệ thông tin và truyền	Công nghệ thông tin	- Công nghệ thông tin - Công nghệ phần mềm - Hệ thống thông tin - An toàn thông tin	A00, A01, A09, D01	580

thông số	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo	- Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo		
	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	- Mạng máy tính - Truyền thông		
HVN09 – Công nghệ bảo quản, chế biến và quản lý chất lượng an toàn thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	- Công nghệ thực phẩm - Quản lý chất lượng & an toàn thực phẩm	A00, A01, B00, D07	420
	Công nghệ và kinh doanh thực phẩm	- Công nghệ và kinh doanh thực phẩm		
	Công nghệ sau thu hoạch	- Công nghệ sau thu hoạch		
HVN10 – Kế toán – Tài chính	Kế toán	- Kế toán kiểm toán - Kế toán	A00, A09, C20, D01	810
	Tài chính - Ngân hàng	- Tài chính - Ngân hàng		
HVN11 – Khoa học đất	Khoa học đất	- Khoa học đất	A00, B00, B08, D07	10
HVN12 – Kinh tế và quản lý	Kinh tế	- Kinh tế - Kinh tế phát triển	A00, C04, D01, D10	420
	Kinh tế đầu tư	- Kinh tế đầu tư - Kế hoạch và đầu tư		
	Kinh tế tài chính	- Kinh tế tài chính - Kinh tế tài chính (Chương trình chất lượng cao - Đào tạo bằng Tiếng Anh) - Kinh tế tài chính (Chương trình New Zealand với ĐH Massey University)		
	Kinh tế số	- Kinh tế và kinh doanh số		
	Quản lý kinh tế	- Quản lý kinh tế		
HVN13 – Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	- Kinh tế nông nghiệp - Kinh tế nông nghiệp (Chương trình chất lượng cao - Đào tạo bằng Tiếng Anh) - Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường	A00, B00, D01, D10	50
HVN14 – Luật	Luật	- Luật kinh tế	A00, C00, C20, D01	110
HVN15 – Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	- Khoa học môi trường	A00, B00, D01, D07	20
HVN16 – Công nghệ kỹ thuật môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường	- Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00, B00, D01, D07	10
HVN17 – Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	- Ngôn ngữ Anh	D01, D07, D14, D15	160

HVN18 – Nông nghiệp công nghệ cao	Nông nghiệp công nghệ cao	- Nông nghiệp công nghệ cao	A00, B00, B08, D01	90
HVN19 – Quản lý đất đai và bất động sản	Quản lý bất động sản	- Quản lý bất động sản	A00, A01, B00, D01	200
	Quản lý đất đai	- Quản lý đất đai		
	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Quản lý tài nguyên và môi trường		
HVN20 – Quản trị kinh doanh và du lịch	Quản lý và phát triển du lịch	- Quản lý và phát triển du lịch	A00, A09, C20, D01	820
	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	- Quản lý và phát triển nguồn nhân lực		
	Thương mại điện tử	- Thương mại điện tử		
	Quản trị kinh doanh	- Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh (Chương trình tiên tiến - Đào tạo bằng Tiếng Anh) - Quản trị marketing - Quản trị tài chính		
HVN21 - Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	- Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	A00, A09, C20, D01	160
HVN22 – Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	- Sư phạm KTNN hướng giảng dạy - Sư phạm KTNN và khuyến nông	A00, A01, B00, D01	20
HVN23 – Thú y	Thú y	- Thú y	A00, A01, B00, D01	650
HVN24 – Thủy sản	Bệnh học thủy sản	- Bệnh học thủy sản	A00, B00, D01, D07	70
	Nuôi trồng thủy sản	- Nuôi trồng thủy sản		
HVN25 – Xã hội học	Xã hội học	- Xã hội học	A00, C00, C20, D01	30
Tổng				5.830

Ghi chú:

A00 Toán, Vật lý, Hóa học
 A01 Toán, Vật lý, Tiếng Anh
 A09 Toán, Địa lý, Giáo dục công dân
 D01 Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
 D07 Toán, Hóa học, Tiếng Anh
 D10 Toán, Địa lý, Tiếng Anh
 D14 Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

B00 Toán, Hóa học, Sinh học
 B08 Toán, Sinh học, Tiếng Anh
 C00 Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
 C01 Ngữ văn, Toán, Vật lý
 C04 Ngữ văn, toán, Địa lý
 C20 Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân
 D15 Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh

(Dùng cho Phương thức 1 và 2 - Đợt 1)

1. **Họ và tên:** 2. **Giới tính:** Nam ☐ Nữ ☐
3. **Ngày, tháng, năm sinh:** 4. **Dân tộc:**
5. **Số CMND/Thẻ căn cước công dân (Ghi mỗi số vào một ô):**

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6. **Hộ khẩu thường trú:** TP/Tỉnh: Quận/Huyện: Xã:

* Có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại KV1: ☐

7. Số điện thoại di động:.....Email:.....

a) Nơi học THPT (Ghi tên trường, mã tỉnh, mã trường):

	Mã tỉnh	Mã trường
Lớp 10:		
Lớp 11:		
Lớp 12:		

b) Năm tốt nghiệp THPT:.....

Ghi mã khu vực (1, 2NT, 2, 3) vào ô trống

Theo quy định của Bộ GD&ĐT: Ghi rõ đối tượng ưu tiên từ 01 đến 07 (nếu có)

Tên người nhận:.....Điện thoại.....

Địa chỉ:

A. ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG THEO QUY ĐỊNH CỦA HỌC VIÊN (Phương thức 1)

- Mã nhóm ngành: HVN Tên nhóm ngành đăng ký:.....

Tên ngành đăng ký:.....

- Đạt tiêu chí xét tuyển thẳng của HVN số:

B. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 11 - THPT (Phương thức 2)

*** Nguyên vọng 1:**

Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển:		
			Tên môn 1	Tên môn 2	Tên môn 3
HVN....			Điểm....	Điểm.....	Điểm.....

*** Nguyên vọng 2:**

Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển:		
			Tên môn 1	Tên môn 2	Tên môn 3
HVN....			Điểm.....	Điểm.....	Điểm.....

Thí sinh xin cam đoan những lời khai trong phiếu này là đúng sự thật. Nếu sai thí sinh xin chịu xử lý theo các quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Cán bộ tiếp nhân

Ngày tháng năm 2022
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022

(Dùng cho Phương thức 1 và 2 - Đợt 2)

PHẦN 1. THÔNG TIN CỦA THÍ SINH

1. Họ và tên: 2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
 3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Dân tộc:
 5. Số CMND/Thẻ căn cước công dân (Ghi mỗi số vào một ô):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 6. Hộ khẩu thường trú: TP/Tỉnh: Quận/Huyện: Xã:

* Có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại KV1: ☐

7. Số điện thoại di động: Email:

8. Thông tin bậc học THPT

a) Nơi học THPT (Ghi tên trường, mã tỉnh, mã trường):

	Mã tỉnh	Mã trường				
Lớp 10:	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td></td><td></td></tr></table>			<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td></td><td></td></tr></table>		
Lớp 11:	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td></td><td></td></tr></table>			<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td></td><td></td></tr></table>		
Lớp 12:	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td></td><td></td></tr></table>			<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td></td><td></td></tr></table>		

b) Năm tốt nghiệp THPT:

9. Khu vực tuyển sinh:

Ghi mã khu vực (1, 2NT, 2, 3) vào ô trống

--

10. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh:

Theo quy định của Bộ GD&ĐT: Ghi rõ đối tượng ưu tiên từ 01 đến 07 (nếu có)

--

11. Địa chỉ gửi giấy báo trúng tuyển:

Tên người nhận: Điện thoại:

Địa chỉ:

PHẦN 2. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2022

A. ĐĂNG KÝ TUYỂN THẲNG THEO QUY ĐỊNH CỦA HỌC VIỆN (Phương thức 1)

- Mã nhóm ngành: HVN

--	--

 Tên nhóm ngành đăng ký:

Tên ngành đăng ký:

- Đạt tiêu chí xét tuyển thẳng của HVN số:

--

B. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 12 - THPT (Phương thức 2)

* Nguyên vọng 1:

Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển:		
			Tên môn 1	Tên môn 2	Tên môn 3
HVN....			Điểm.....	Điểm.....	Điểm.....

* Nguyên vọng 2:

Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển:		
			Tên môn 1	Tên môn 2	Tên môn 3
HVN....			Điểm.....	Điểm.....	Điểm.....

Thí sinh xin cam đoan những lời khai trong phiếu này là đúng sự thật. Nếu sai thí sinh xin chịu xử lý theo các quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Cán bộ tiếp nhận

Ngày tháng năm 2022
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)